

Chính sách phát triển

Chiến lược công nghiệp hóa

Chiến lược công nghiệp hóa ở Việt Nam

James Riedel



Động lực

Hai mươi năm trước có vẻ như Việt Nam muốn đi theo Hướng Rộng bay.

Điều kiện ở Việt Nam đầu thập niên 1990 là tương đương với điều kiện ban đầu ở Đài Loan thập niên 1960, Thái Lan thập niên 1970 và Trung Quốc 1980.

Vào đầu thập niên 90 Việt Nam áp dụng nhiều chính sách song hành với Chiến lược Công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu (EOI) và trải qua tăng trưởng tương đối nhanh.

Từ 2006, quán tính EOI bắt đầu giảm, với tốc độ tăng trưởng hàng năm bình quân thấp hơn và mức độ bất ổn kinh tế vĩ mô cao hơn.

Gần đây nhiều nhà quan sát cho rằng Việt Nam đang vướn vào Bẫy Thu nhập Trung bình – tại đó sự thịnh vượng sẽ bị hạn chế ở mức năng suất của lao động phổ thông trong ngành thâm dụng lao động – và kêu gọi chiến lược công nghiệp hóa và tăng trưởng mới.

Tại sao chiến lược EOI không đạt kỳ vọng ở Việt Nam?

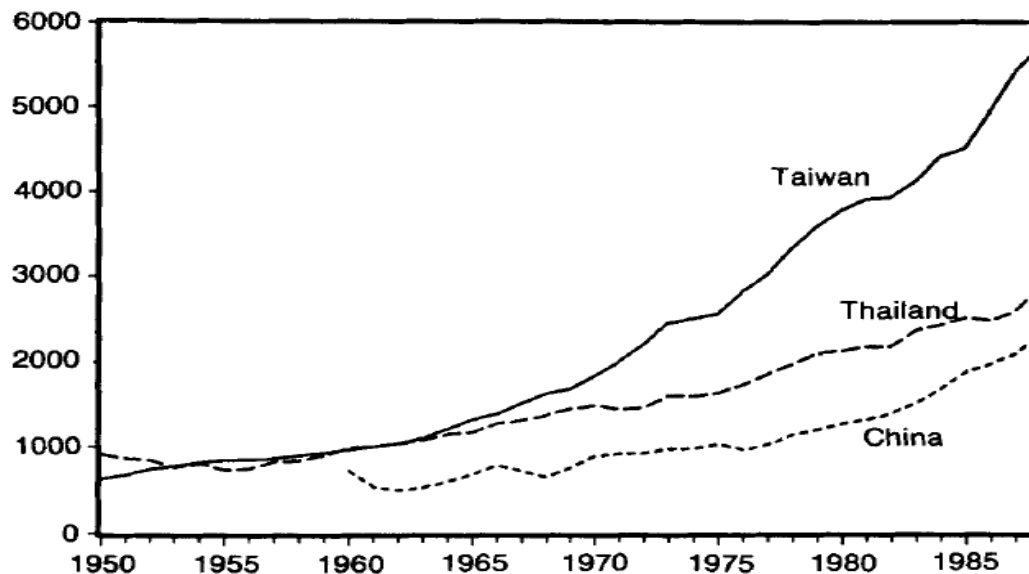
- Do yếu kém vốn có trong chiến lược?
- Vì những thất bại trong triển khai chiến lược?

Điều kiện ban đầu: thu nhập bình quân đầu người

Bài đầu tiên của tôi về nền kinh tế Việt Nam (xuất bản 1993) đặt ra câu hỏi này: liệu những điều kiện ban đầu ở Việt Nam 1990 có tương tự như điều kiện ở những nước khác khi họ phát động và thành công với chiến lược công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu không?

Trả lời: Có, *xuất phát điểm* xét theo thu nhập bình quân đầu người là tương tự - tất cả đều khởi đầu từ mức thu nhập bình quân đầu người thấp

Real Per Capita GDP in Taiwan, Thailand and China
Adjusted for Purchasing Power Parity (Base year: 1985)



Điều kiện ban đầu: nguồn nhân lực

Tài nguyên nhân lực của Việt Nam có so sánh được với các nước khác khi họ phát động EOI không?

Trả lời: Có, *tài nguyên nhân lực* của Việt Nam mạnh bằng hoặc hơn cả các nước này

	<i>Taiwan</i> 25–30 <i>Years Ago</i>	<i>Thailand</i> 15–20 <i>Years Ago</i>	<i>China</i> 15–20 <i>Years Ago</i>	<i>Vietnam</i> <i>Most</i> <i>Recent</i>
Population mn.	11	41	916	66
Pop. Density pop./sq. km.	300	108	96	195
Population Growth Rate %	3.1	2.7	1.8	2.4
Age Dependency Ratio	0.92	0.92	0.78	0.79
Urban Pop. Growth Rate %	5.7	5.2	2.3	3.9
Rural Pop. Growth Rate %	1.5	2.2	-6.0	2.0

Source: IBRD, *Social and Economic Indicators*; *Taiwan Statistical Data Book* (1989).

Riedel, 1993, "Vietnam on the Trail of the Tigers," *World Economy*

Điều kiện ban đầu: phát triển con người

Chỉ báo phát triển con người của Việt Nam có so sánh được với các nước khác khi họ phát động EOI không?

Trả lời: Có, *chỉ báo phát triển con người* của Việt Nam tương đương hoặc hơn cả các nước này

	<i>Taiwan</i> 25–30 <i>Years Ago</i>	<i>Thailand</i> 15–20 <i>Years Ago</i>	<i>China</i> 15–20 <i>Years Ago</i>	<i>Vietnam</i> <i>Most</i> <i>Recent</i>
Infant Mortality Rate	—	55	46	42
Life Expectancy	63	60	65	67
Calories per capita	2390	2285	2070	2233
Enrollment Rate ^a				
Primary	97	83	135	102
Secondary	30	26	47	42
Tertiary	3	12	—	—
Illiteracy Rate ^b	30	7	27	16

Điều kiện ban đầu: tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam có so sánh được với các nước khác khi họ phát động EOI không?

Trả lời: Có, như các nước khác, tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam là vừa phải so với qui mô dân số

Indicators of Natural Resource Endowment

	<i>Taiwan</i> 25–30 Years Ago	<i>Thailand</i> 15–20 Years Ago	<i>China</i> 15–20 Years Ago	<i>Vietnam</i> Most Recent
Area thous. sq. km.	36	513	9561	332
Ag. Land/Total Area %	24	45	44	21
Ag. Pop. Density pop./sq. km.	629	240	219	934
Rice paddy yield kg./ha.	2495	3029	1910	3002
Forests thous. sq. km.	21	142	1389	98

Source: IBRD, *Social and Economic Indicators*; FAO, *Production Yearbook* (1990). Data for Thailand and China are for 1978–81 and for Vietnam are for 1990.

Growth of Rice Production, Yields and Area of Cultivation in Taiwan, Thailand and Vietnam

	<i>Production</i>	<i>Area under Cultivation</i>	<i>Yield</i>
Taiwan (1952–70)	2.5	–0.1	2.6
Thailand (1970–90)	1.7	1.7	0.0
Vietnam (1970–90)	3.1	0.9	2.2

Source: FAO *Yearbook*; Taiwan *Statistical Data Book* (1989).

Riedel, 1993, "Vietnam on the Trail of the Tigers," *World Economy*

Điều kiện ban đầu: nông nghiệp

Cấu trúc nền kinh tế xét theo **sự phụ thuộc vào nông nghiệp** có giống với các nước khác không khi học thực hiện EOI?

Trả lời: Có, tương tự, **nhưng sự phụ thuộc vào nông nghiệp của Việt Nam phần nào lớn hơn so với các nước**

The Share of Agriculture in Employment, GDP and Exports

	Taiwan		Thailand		China		Vietnam	
	1960	1970	1970	1980	1980	1990	1985	1990
Employment	50.2	36.1	77.8	71.1	74.0	—	72.3	71.5
Value Added	32.9	18.0	28.3	25.4	37.1	27.2	37.4	32.5
Exports	12.0	8.6	67.0	41.0	25.4	7.2	—	75.0
Processed Ag.	(55.7)	(12.8)						

Sources: *Taiwan Statistical Data Book* (1989); *Vietnam GSO* (1991); IBRD, World Tables (computer files).

Điều kiện ban đầu: công nghiệp

Mức độ công nghiệp hóa của Việt Nam có so sánh được với các nước khác khi họ phát động EOI không?

Trả lời: Không, tính theo sản lượng bình quân đầu người, **khu vực sản xuất công nghiệp** của Việt Nam là kém phát triển. Nhưng đây có thể là một lợi thế vì phát triển công nghiệp theo chiến lược ISI nhìn chung là không hiệu quả. *Và không phải là bất lợi khi EIO vẫn chưa định hình.*

Per Capita Production of Selected Manufactured Goods

	<i>Vietnam</i> 1990	<i>Taiwan</i> 1960	<i>China</i> 1980
Steel (kg)	1.5	28.3	37.8
Machine tools (10^{-4} units)	11.1	210.8	136.6
Chemical fertilizer (kg)	4.9	34.4	125.6
Elect. motors (10^{-3} units)	0.1	1.5	na
Elect. Fans (10^{-3} units)	2.8	18.5	7.4
Paper (kg)	1.2	7.5	na
Cotton Fabrics (metres)	4.7	16.0	7.6

Sources: *Vietnam GSO* (p.20); *Taiwan Statistical Data Book* (1989); IBRD, China: *Country Economic Memorandum* (1989).

Riedel, 1993, "Vietnam on the Trail of the Tigers," *World Economy*

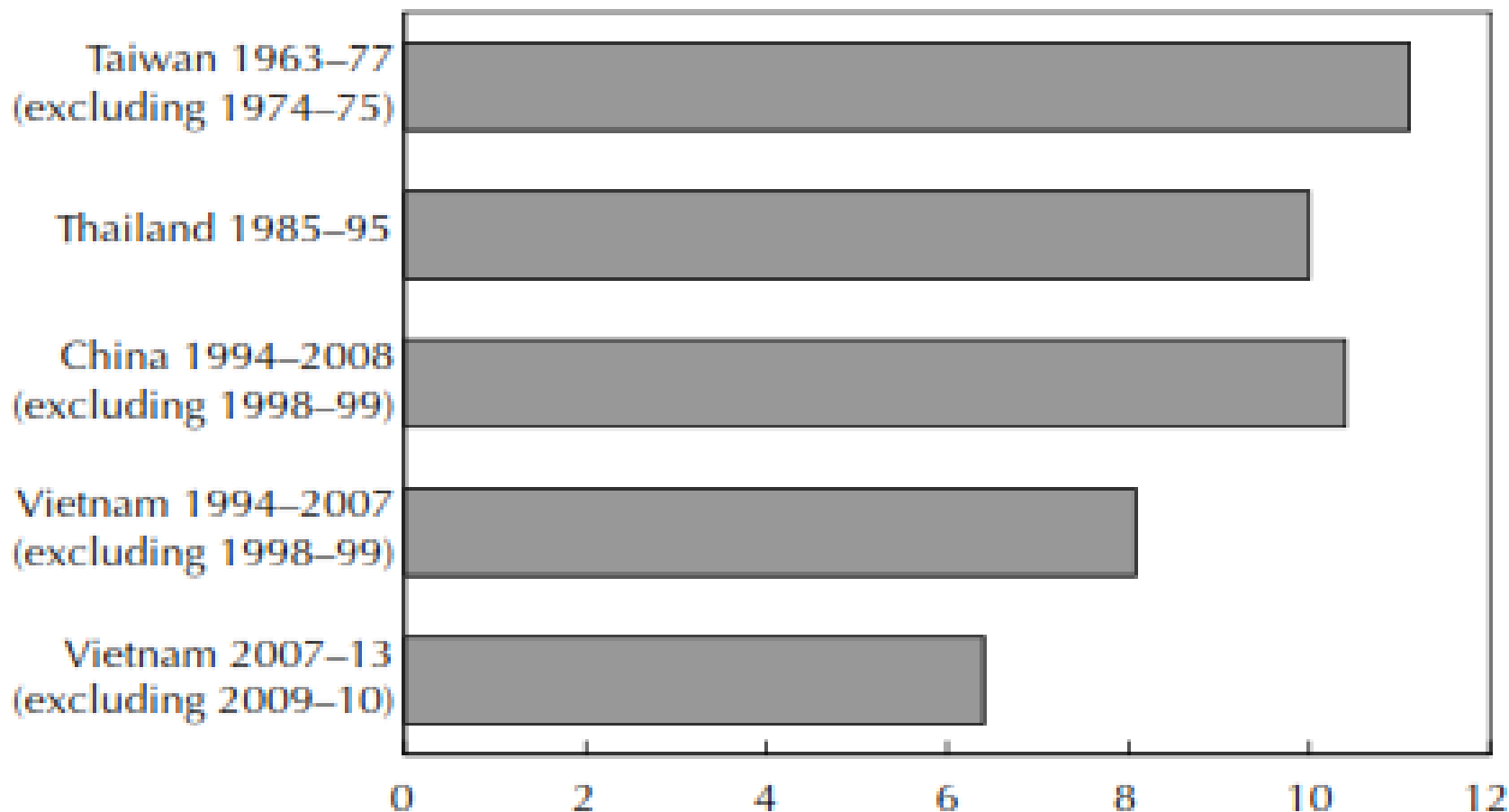
Việt Nam có nên đi theo hướng của những con Hổ?

Kết luận của tôi vào năm 1993:

1. Điều kiện ban đầu của Việt Nam có so sánh được với các nước thành công nhờ EOI không? Có, ít nhất là bằng hoặc hơn.
2. Năm 1990, Việt Nam có nên đi theo hướng các con Hổ? Có, nó dẫn đến sự thịnh vượng và không có cách nào khác tốt hơn.
3. Sau đó Việt Nam có đi theo hướng này không?
4. Nếu có, Việt Nam có đạt được thành công tương tự hay không?
5. Nếu không thì tại sao?

So sánh kết quả tăng trưởng của Việt Nam

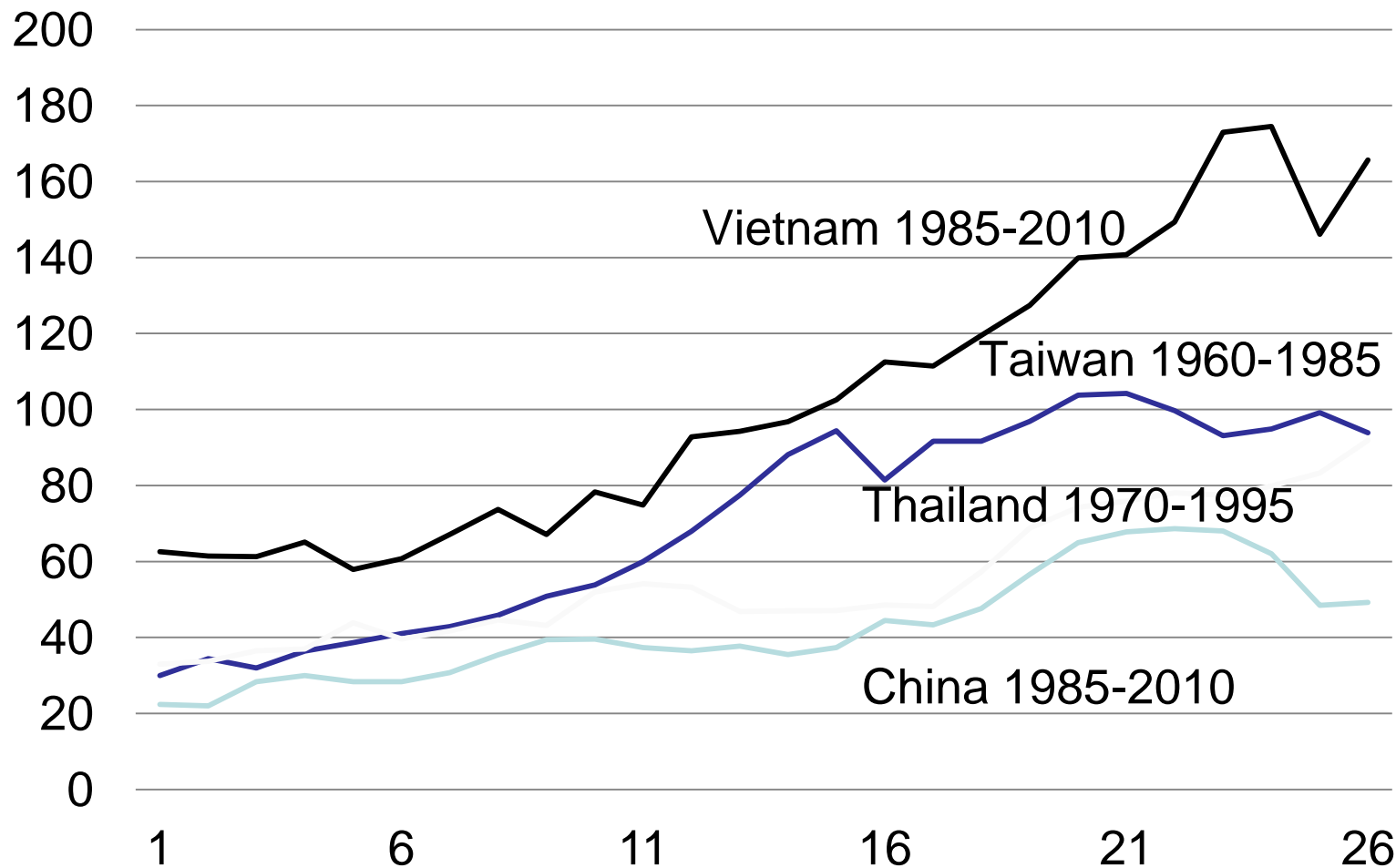
Tốc độ tăng trưởng GDP thực bình quân hàng năm trong giai đoạn khởi sắc EOI



Source: IMF, *International Financial Statistics*, www.imf.org/external/data.htm; Council for Economic Planning and Development, *Taiwan Statistical Data Book*, 1981.

So sánh kết quả của Việt Nam: định hướng xuất khẩu

Thương mại (xk + nk)/GDP trong giai đoạn khởi sắc ở một số nước



Việt Nam làm ăn như thế nào với EOI?

Tỉ trọng giá trị gia tăng nội địa và nước ngoài trực tiếp và tổng gộp (trực tiếp và gián tiếp) trong tổng xuất khẩu và xuất khẩu công nghiệp ở Việt Nam 2007. Tính toán cho kết quả 50% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu là do đóng góp của nhập khẩu.

	Foreign value-added share		Domestic value-added share	
	Direct	Total	Direct	Total
Total exports	25.8	39.5	74.2	60.5
Manufactured exports	31.3	48.2	68.7	51.8

Source: Own calculations

Phần trăm GTGT nội địa trong hàng xuất khẩu của Trung Quốc, phân biệt hàng xuất khẩu từ các khu chế xuất (xuất khẩu chế biến) với sản xuất ở bên ngoài EPZs.

	Direct	Total
Total exports: undifferentiated	85.0	74.6
Total exports: differentiated	57.6	53.9
'Normal' exports	95.5	89.2
Processing exports	27.5	25.7
Manufactured exports: differentiated	55.0	51.3
'Normal' exports	95.1	88.4
'Processing' exports	27.0	25.1

Source: Koopman, Wang and Wei (2012); Dean, Fang and Wang (2011).

Việt Nam làm ăn như thế nào với EOI?

Tỉ trọng GTGT trực tiếp, đầu vào nội địa và đầu vào nước ngoài trong tổng doanh thu của doanh nghiệp Việt Nam, phân biệt doanh nghiệp theo (1) mức định hướng xuất khẩu và (2) dạng sở hữu.

Tỉ lệ nhập khẩu so với đầu vào nội địa là cao hơn trong (1) doanh nghiệp định hướng xuất khẩu hơn và (2) doanh nghiệp nước ngoài.

	Number of firms sampled	As a percent of total sales			Ratio of Imported to Domestic Inputs
		Value-added	Domestic Intermediate Inputs	Imported Intermediate Inputs	
Exports as a percent of sales greater than 75%					
Textile	13	49.0	14.3	36.7	2.57
Garment	69	58.0	13.7	28.6	2.08
Plastic	9	39.3	19.3	41.3	2.14
Food process.	19	26.0	72.2	1.8	0.02
Exports as a percent of sales less than 25%					
Textile	4	49.6	46.2	4.2	0.09
Garment	11	65.7	18.6	15.7	0.84
Plastic	52	32.5	33.3	34.2	1.03
Food process.	5	32.5	67.5	0.0	0.00
100% Foreign-owned firms					
Textile	14	44.9	22.9	32.2	1.40
Garment	23	55.7	11.2	34.9	3.13
Plastic	7	39.4	11.8	48.8	4.14
Food process.	3	24.7	64.0	11.3	0.18
Domestically-owned firms					
Textile	15	53.5	26.2	18.1	0.69
Garment	71	61.7	15.7	22.4	1.43
Plastic	56	31.0	35.8	32.8	0.92
Food process.	28	28.0	71.6	0.4	0.01

Source: ILSSA survey conducted for USAID/STAR, 2008

Logic công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu ở Đông Á

- EOI cho phép các nước khai thác lợi thế so sánh => tăng trưởng cao hơn và bao trùm hơn
- Bắt đầu với lao động dư thừa, EOI cho phép các nước Đông Á “có cả hai” => (a) tiếp tục bảo hộ DNNN thâm dụng vốn và (b) phát triển DNTN định hướng xuất khẩu và thâm dụng lao động => giảm trọng tâm.

Figure 3: Taiwan: Industrial Output (NTD bn)

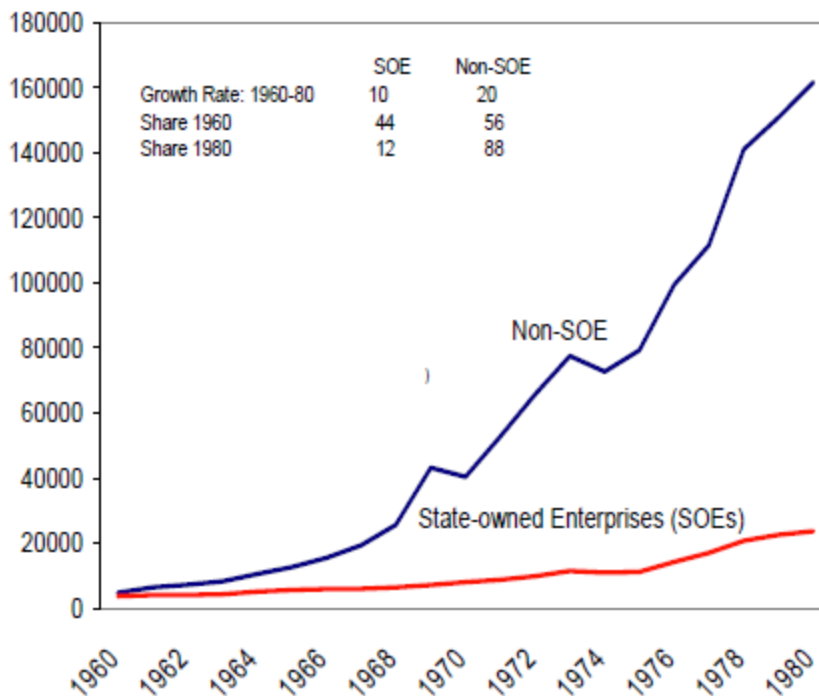
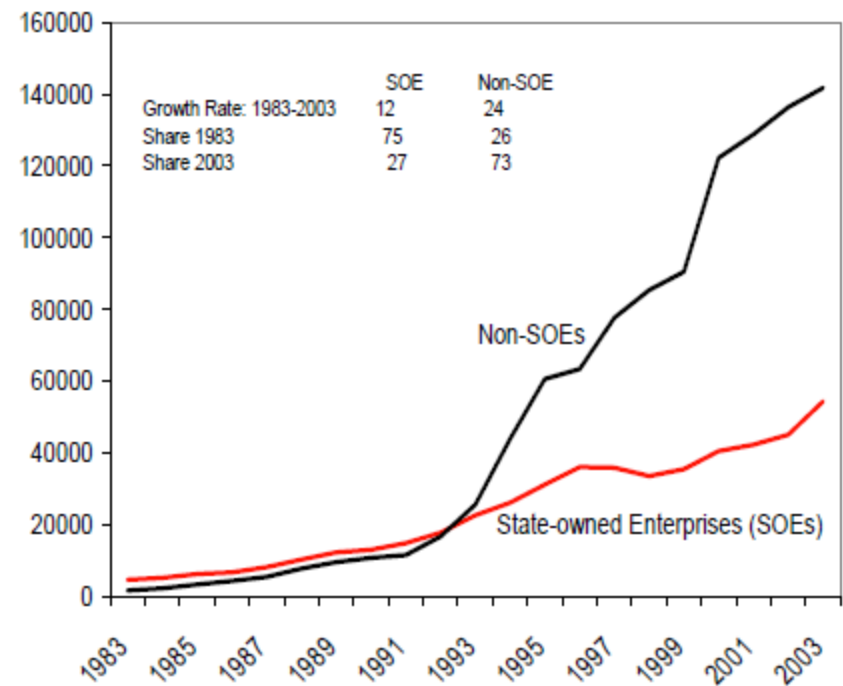


Figure 4: China Industrial Output (RMB bn) 1983-03



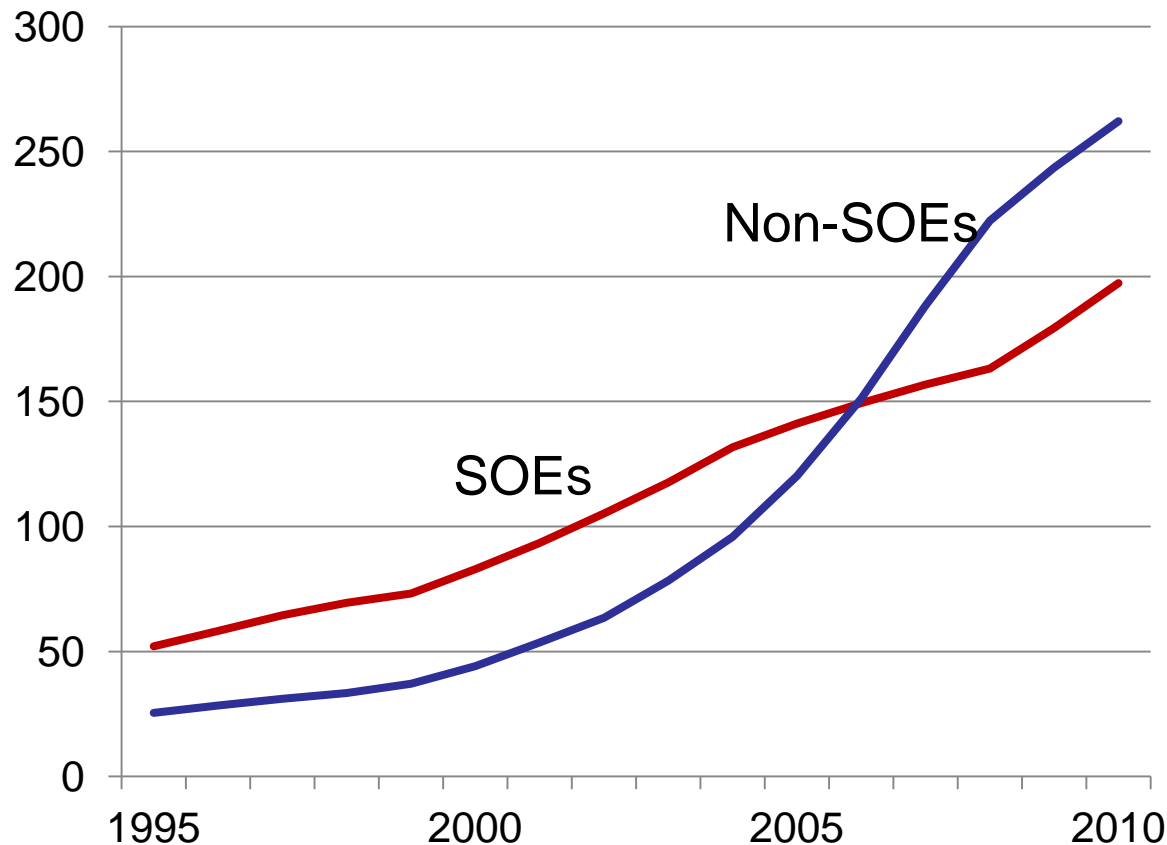
Source: Taiwan Statistical Data Book, 2008

Source: China Statistical Yearbook, selected issues.

Việt Nam làm ăn như thế nào với EOI?

Tiến trình giảm vai trò của DNNN đang diễn ra ở Việt Nam, với tốc độ chậm hơn so với Đài Loan hoặc Trung Quốc trong giai đoạn khởi sắc với EOI. Ở Việt Nam, sau gần 20 năm EOI, khu vực nhà nước vẫn chiếm gần 50% sản lượng công nghiệp nội địa (không tính doanh nghiệp nước ngoài)

Sản lượng công nghiệp tính theo giá không đổi (ngàn tỉ VND)



EOI và thay đổi cơ cấu ở Việt Nam: thương mại

EOI ở Việt Nam đã dẫn đến sự thay đổi to lớn trong thành phần xuất khẩu, không phải nhập khẩu

Figure 6: The Composition of Non-Oil (% share in total)

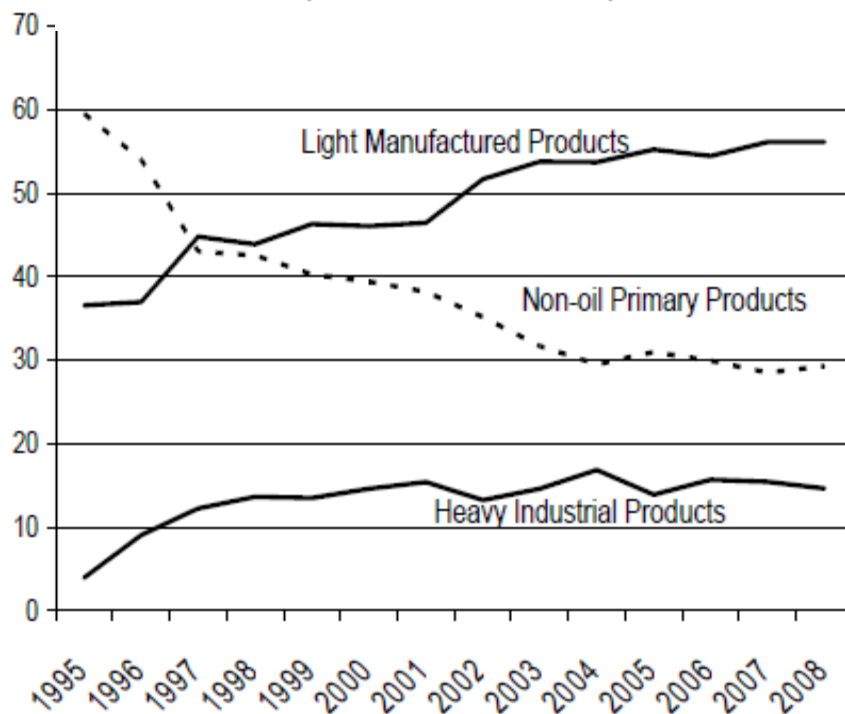
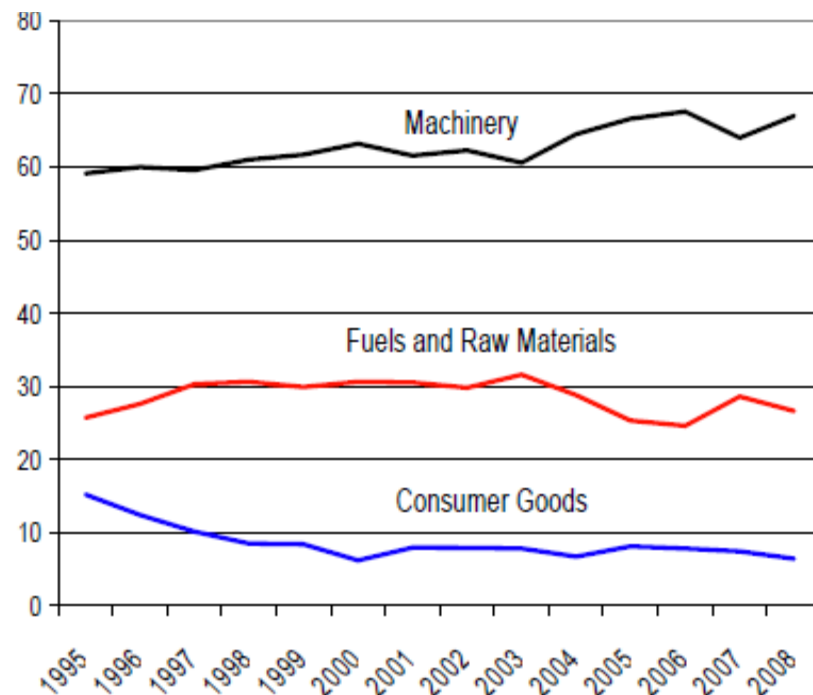


Figure 7: The Composition of Imports (% share in total)



Source: Vietnam, GSO

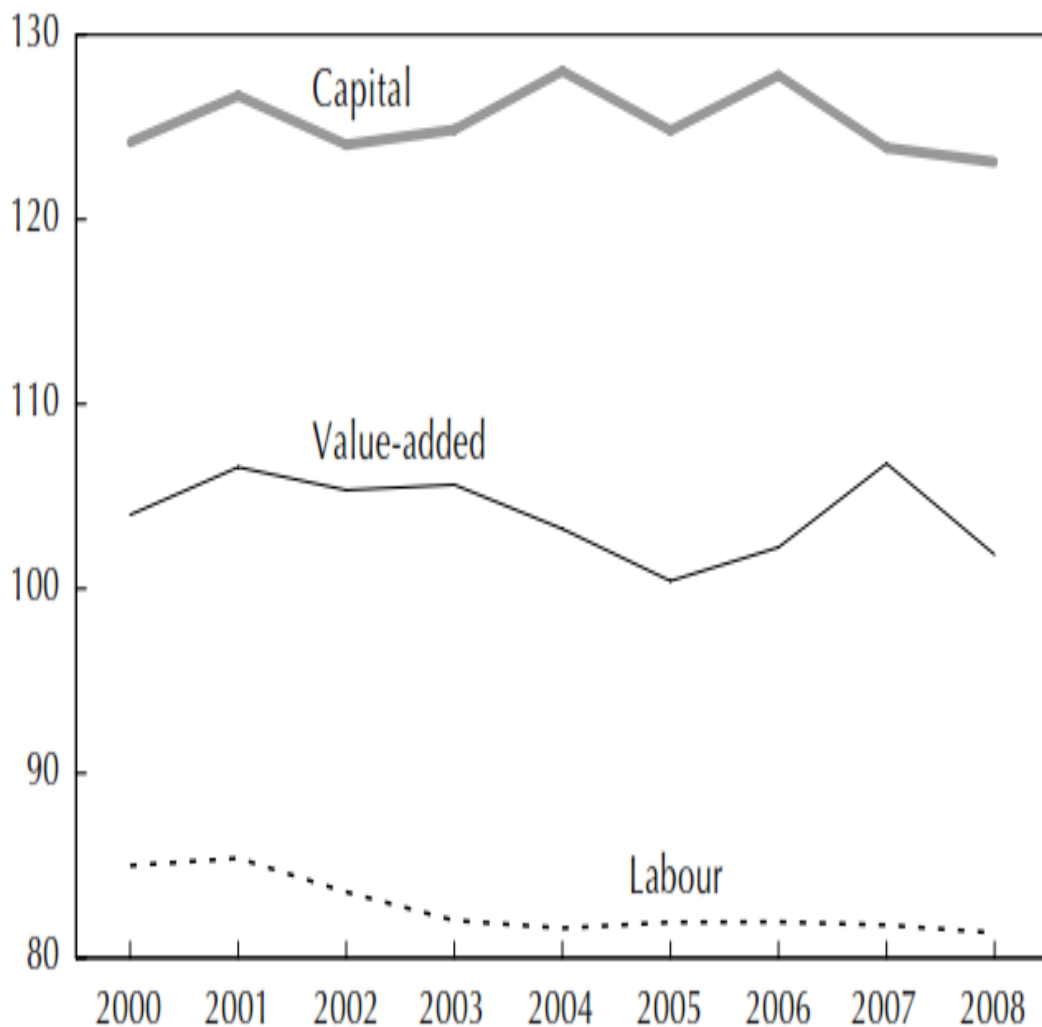
EOI và Thay đổi cấu trúc ở Việt Nam: phân bổ nguồn lực

Tuy nhiên, phân phối tổng vốn và GTGT không thay đổi theo hướng có lợi cho ngành thâm dụng lao động, như ta kỳ vọng.

Đường biểu diễn trong hình cho thấy tỉ lệ vốn-lao động bình quân có trọng số giữa các ngành, trọng số là tỉ trọng mỗi ngành trong phân bổ vốn, GTGT, và lao động tương ứng.

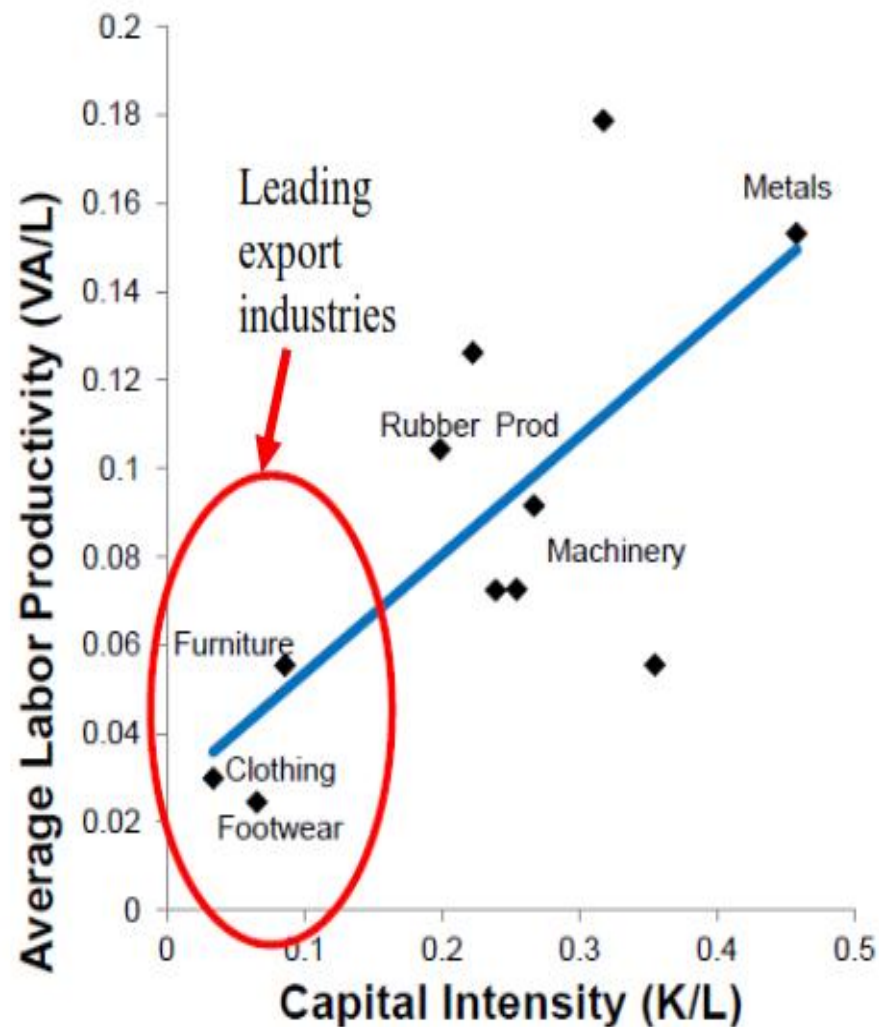
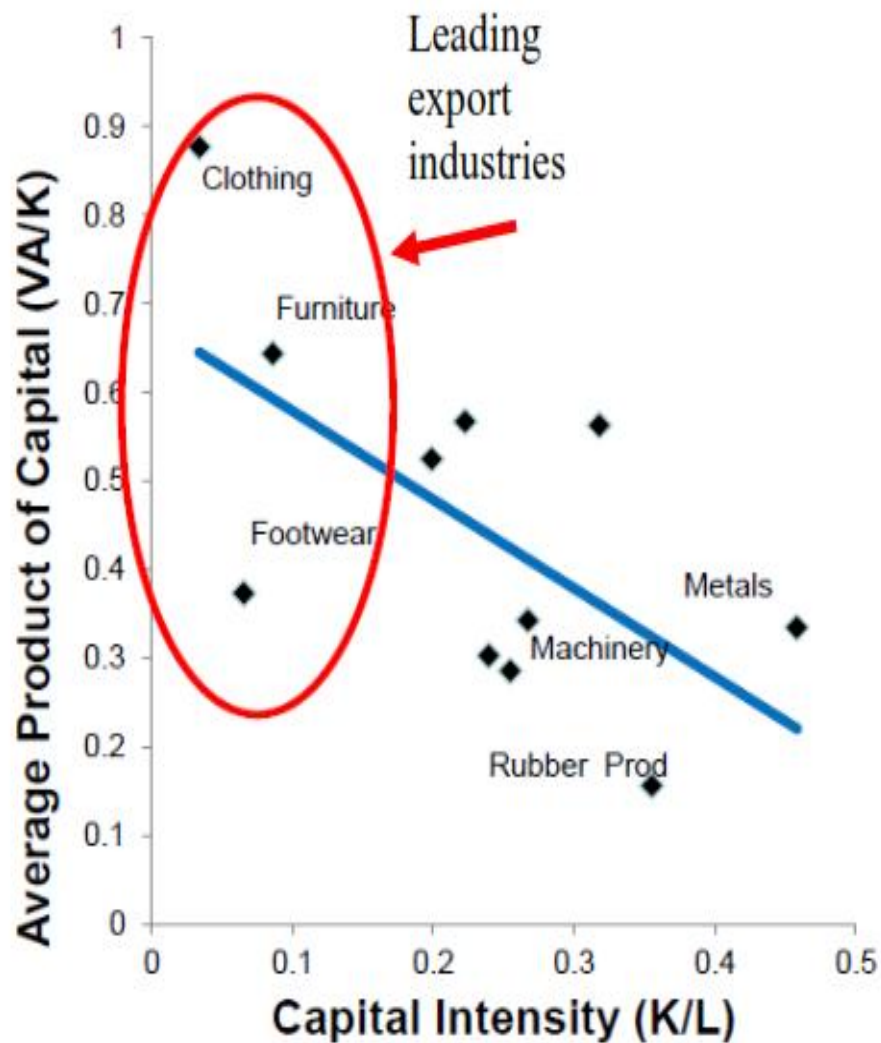
Biểu đồ cho thấy đa số vốn được phân bổ cho khu vực thâm dụng vốn và vẫn không thay đổi.

Lao động được phân bổ mạnh cho ngành thâm dụng lao động và đang gia tăng



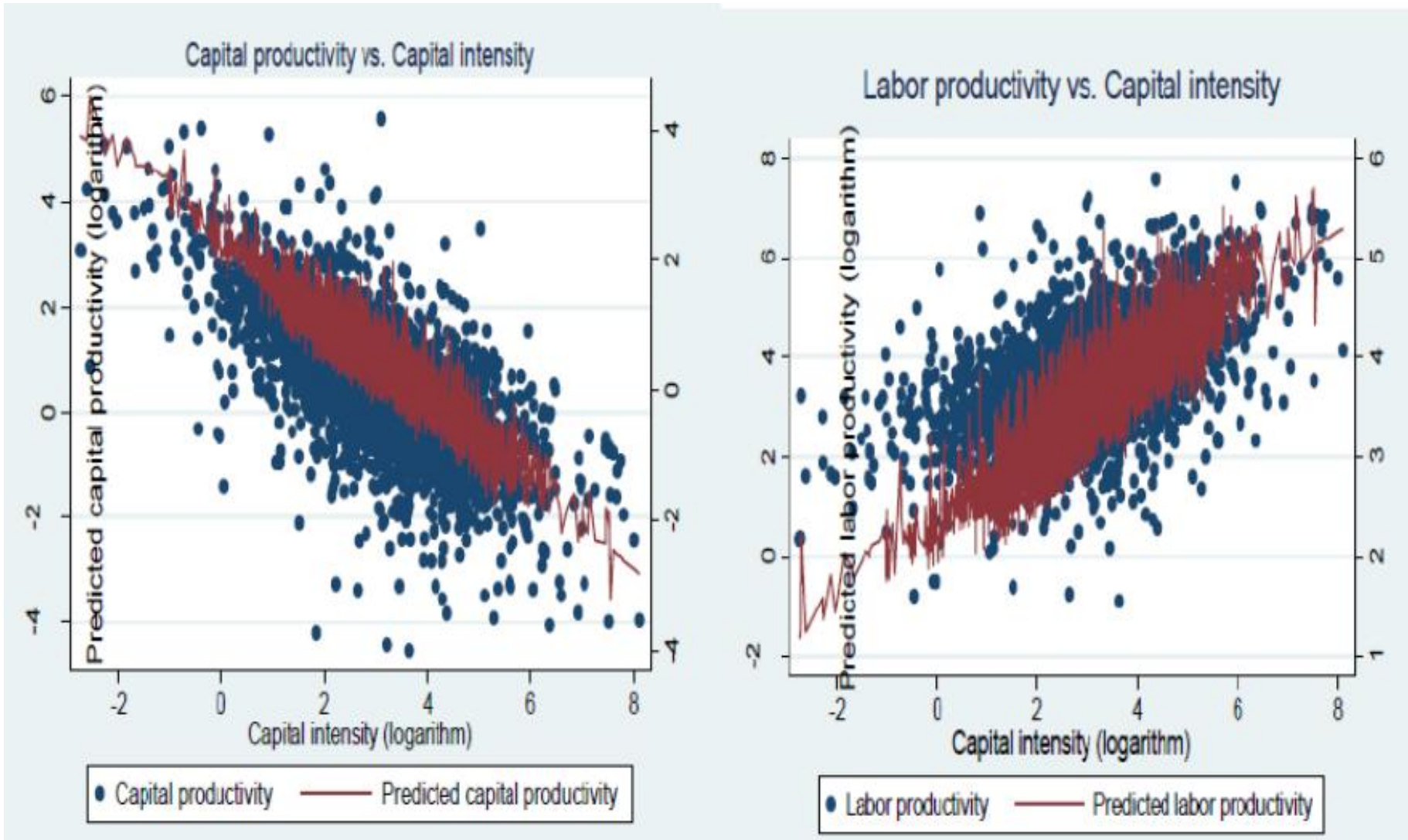
EOI và thay đổi cơ cấu ở Việt Nam: Phân bổ nguồn lực

Vốn và lao động nên được phân bổ như thế nào để tối đa hóa thu nhập thực và việc làm?



EOI và thay đổi cơ cấu ở Việt Nam: Phân bổ nguồn lực

Vốn và lao động nên được phân bổ như thế nào để tối đa hóa thu nhập thực và việc làm?



Hạn chế của EOI

EOI, theo cách diễn giải của tôi, chủ yếu là việc chính phủ tránh đường và cho phép doanh nghiệp khai thác lợi thế so sánh của quốc gia xuất phát từ lao động phổ thông dồi dào.

Nếu chiến lược này thành công, lao động dư thừa sẽ được hấp thu vào việc làm có năng suất, và tiền lương thực sẽ bắt đầu tăng nhanh. Khi lương tăng, lợi thế so sánh của quốc gia trong sản xuất công nghiệp thâm dụng lao động sẽ giảm đi.

Để duy trì tăng trưởng, quốc gia phải chuẩn bị để chuyển tiếp sang ngành sử dụng công nghệ và vốn nhiều hơn, từ đó đòi hỏi phải có cải cách chính sách quan trọng, như:

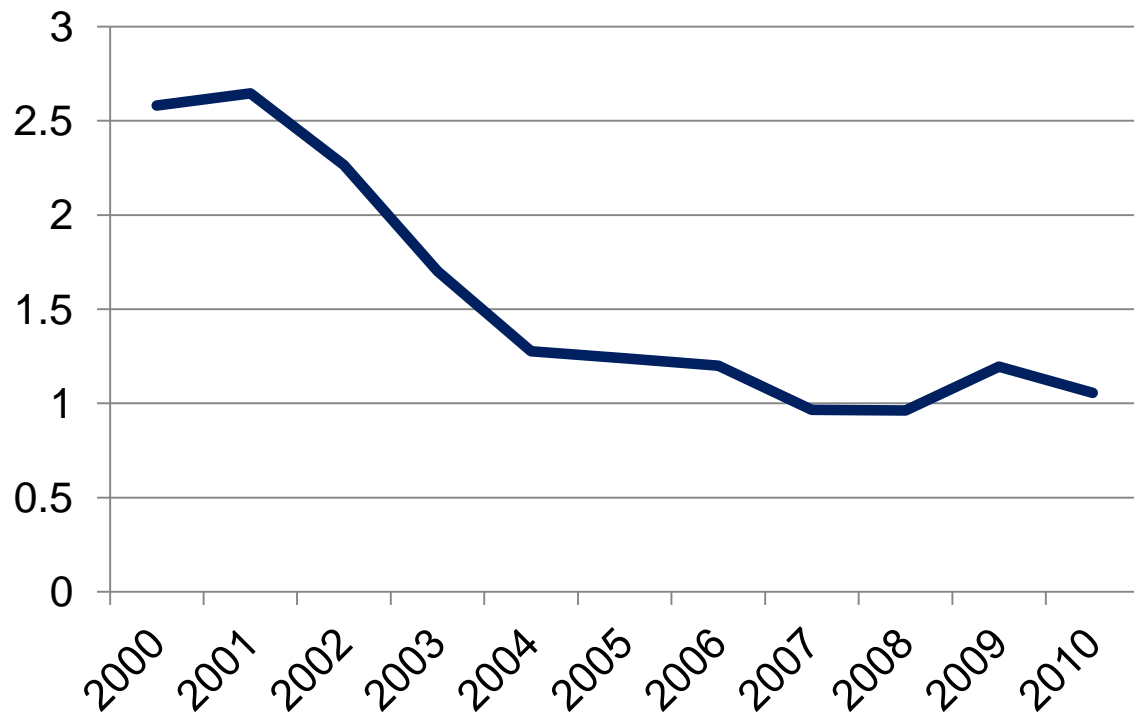
- Cải cách khu vực tài chính cho phép số vốn khan hiếm của quốc gia chảy vào các khu vực có suất sinh lợi đầu tư cao nhất
- Tăng đầu tư giáo dục để đảm bảo có sẵn lao động kỹ năng cần thiết để đất nước chuyển dịch lên nấc thang lợi thế so sánh cao hơn.
- Cần đầu tư cơ sở hạ tầng để đảm bảo quốc gia có khả năng cạnh tranh với các nước khác tiến lên nấc thang lợi thế so sánh cao hơn

Việt Nam đánh mất quán tính EOI như thế nào: ưu tiên khu vực nhà nước

Việt Nam đánh mất đà phát triển EOI trước khi khai thác hết toàn bộ lợi thế so sánh trong sản xuất công nghiệp thâm dụng lao động. Tại sao?

- Suy thoái toàn cầu 2009-2010 tác động mạnh lên EOI, nhưng sự suy giảm đã bắt đầu từ trước cuộc khủng hoảng 2007-2008
- Ưu tiên của chính phủ phát triển DNNN và tập đoàn nhà nước đã chuyển dịch vốn khỏi sản xuất công nghiệp định hướng xuất khẩu tư nhân.

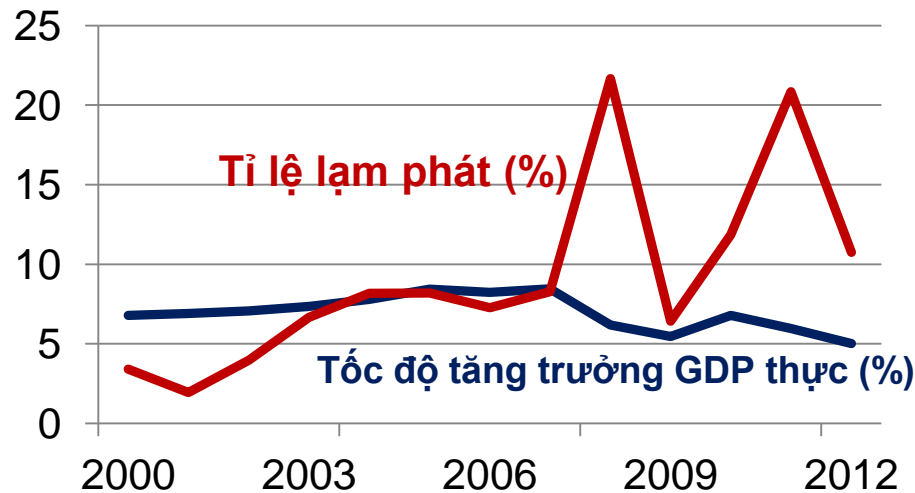
Tỉ lệ đầu tư công nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh



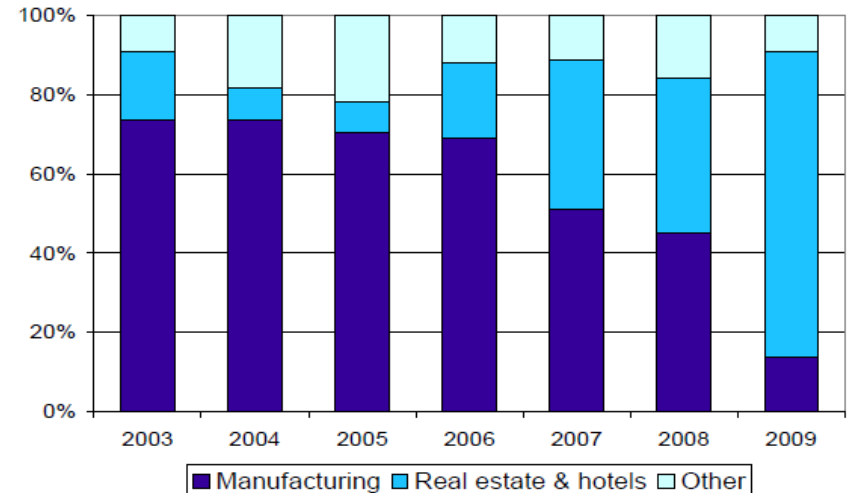
Việt Nam đánh mất quán tính EOI như thế nào: Bất ổn vĩ mô

Những diễn biến vĩ mô 2007-08 tạo ra bong bóng tài sản (bất động sản) đồng thời ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp định hướng xuất khẩu

- Dòng vốn vào => tăng tỉ giá thực và tăng lạm phát
- Bong bóng bất động sản => kéo đầu tư từ sản xuất công nghiệp sang bất động sản
- Chuyển dịch ngành đặc biệt mạnh trong FDI



Dòng FDI theo ngành (%)



Việt Nam có bị vướng bẫy hướng đi của hồ?

- Việt Nam đánh mất đà EOI, nhưng có vướng bẫy?
- Nếu EOI mất đà tăng trưởng do cách triển khai chiến lược thất bại, thì lối ẩn dụ “cái bẫy” có vẻ không phù hợp.
- Nếu EOI không đạt được kỳ vọng do chính phủ không sẵn sàng rời lỏng vòng tay bảo hộ khu vực DNNN, thì Việt Nam rơi vào chính cái bẫy do mình tạo ra.
- Trong những điều kiện này chiến lược khác có tác dụng hơn không?
- Hướng sắp tới có lẽ phải trở lại chiến lược đã từng hiệu quả ở tất cả các nước Đông Á trước đây.

Việt Nam nên làm gì?

1. Bỏ EOI tìm kiếm một chiến lược mới

- Áp dụng chiến lược giúp hình thành các cụm ngành công nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia (CIEM, *Vietnam Competitiveness Report, 2010*)
- Áp dụng chiến lược tăng cường “chuỗi giá trị nội địa” và tăng giá trị gia tăng trong nước, đặc biệt hàng xuất khẩu.
- Áp dụng chiến lược nhắm đến sản xuất sản phẩm “high tech” thay vì các ngành sản xuất thâm dụng lao động công nghệ thấp
- Áp dụng chiến lược có lợi cho việc sản xuất “hàng hóa giá trị cao”
- Áp dụng chiến lược giúp chuyển đổi Việt Nam từ “nền kinh tế nhà xưởng” sang “nền kinh tế tri thức”

2. Áp dụng cải cách để EOI trở thành chiến lược hiệu quả hơn

Hướng nào cho Việt Nam?

Trường phái mới



Rodrik and Potter

Trường phái cũ



Lewis and Ricardo

Bạn nghĩ sao?

